

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/KDTM-PT
Ngày: 09-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thuý

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Bà Trịnh Thị Phúc.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phùng Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2024/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2024/KDTM-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐ-PT ngày 22/7/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần T1 (MJC)

Địa chỉ: Số G, T, khu phố A, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Bé H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1984 chức vụ: Phó giám đốc

Địa chỉ: Số E N, khu phố A, phường B, thị xã K, tỉnh Long An.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 18/12/2023).

- **Bị đơn:** Công ty TNHH X

Địa chỉ: Số E, khu phố A, Vàm Bà K sông V, phường B, thị xã K, tỉnh Long An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Thanh T – Chức vụ Giám đốc.

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty TNHH X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L trình bày:

Ngày 17/02/2023, Công ty Cổ phần T1 (gọi tắt là Công ty T1) và Công ty TNHH X (gọi tắt là Công ty X) có ký hợp đồng đại lý bán lẻ xăng dầu số 107/HĐMBXD-MJC. Trong đó, Công ty T1 đồng ý để Công ty X làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho Công ty T1 để tiêu thụ các mặt hàng xăng Ron – 95 III, dầu Do 0.5S trong hệ thống phân phối của Thương nhân đầu mối Công ty THNN MTV Dầu khí Thành phố H (Sài Gòn P) và thương nhân phân phối Công ty Cổ phần T1 (MJC). Công ty T1 đã bán cho Công ty X sản phẩm là xăng dầu theo từng hóa đơn đặt hàng và thông tin thanh toán cụ thể được ghi trên từng hóa đơn. Trong quá trình giao nhận hàng hóa thì ông Phan Thanh T là người đại diện theo pháp luật của Công ty X có ký nhận công nợ và các biên bản có liên quan.

Theo các hóa đơn số 00002166 ngày 26/4/2023; hóa đơn số 00002314 ngày 03/5/2023 và hóa đơn số 00002353 ngày 06/5/2023 cùng bản đối chiếu công nợ gần nhất ngày 03/11/2023, xác nhận Công ty X còn nợ Công ty T1 số tiền gốc 259.200.000 đồng.

Mặc dù đã được Công ty T1 nhắc nhở việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng đến nay Công ty X không thanh toán cho Công ty T1. Như vậy Công ty X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận ký kết giữa hai công ty. Nay Công ty T1 khởi kiện yêu cầu Công ty X có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 259.200.000 đồng và lãi suất là 12%/năm tính từ ngày 26/4/2023 đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Công ty T1 yêu cầu Công ty X có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 259.200.000 đồng và lãi suất trước đây tại đơn khởi kiện Công ty T1 yêu cầu tính lãi là 12%/năm tính từ ngày 26/4/2023 đến ngày xét xử. Nay Công ty T1 thay đổi yêu cầu yêu cầu tính lãi xuống còn là 10%/năm tính từ ngày 26/4/2023 đến ngày xét xử. Tổng cộng là 284.084.252 đồng, trong đó tiền gốc là 259.200.000 đồng; tiền lãi là 24.884.252 đồng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH X ông Phan Thanh T trình bày tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Ông xác định Công ty X do ông là người đại diện theo pháp luật trong quá trình mua bán xăng dầu với Công ty T1. Công ty X còn nợ lại Công ty T1 đúng như bản đối chiếu công nợ gần nhất ngày 03/11/2023 số tiền gốc 259.200.000

đồng, Công ty X đồng ý trả cho Công ty T1 số tiền nợ gốc 259.200.000 đồng trên nhưng do Công ty X đang khó khăn trong kinh doanh nên xin được trả dần 02 tháng số tiền là 50.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong và xin không tính lãi.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2024/KDTM-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An, đã xử:

“Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của: Công ty Cổ phần T1 (MJC) đối với Công ty TNHH X về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc Công ty TNHH X phải trả cho Công ty Cổ phần T1 (MJC) số tiền gốc và lãi tổng cộng là 284.084.252 đồng Trong đó tiền gốc là 259.200.000 đồng; tiền lãi là 24.884.252 đồng

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các bên đương sự theo quy định của luật.

Ngày 20-5-2024, bị đơn Công ty X kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không áp dụng tính lãi đối với số tiền tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa Công ty X với Công ty T1.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Phan Thanh T trình bày: Hai bên công ty đã hợp tác với nhau nhiều năm, bên nguyên đơn bán hàng cũng đã có lãi, do bị đơn đang mất khả năng thanh toán nên nếu tính lãi nữa thì bị đơn không có khả năng chi trả. Hiện kinh tế công ty gặp rất nhiều khó khăn nên đề nghị xem xét không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi chậm thanh toán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tính đến ngày 31/10/2023 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 259.200.000 đồng và từ thời điểm xuất hóa đơn thanh toán đến nay thì bị đơn cũng chưa thanh toán đủ tiền cho nguyên đơn. Như vậy nguyên đơn yêu cầu bị

đơn thanh toán tiền lãi tính từng đợt theo hóa đơn đã xuất đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định tại Điều 306 Luật Thương mại. Bị đơn kháng cáo yêu cầu không áp dụng lãi đối với số tiền tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên là không phù hợp với quy định của pháp luật. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 12%/năm nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu lãi suất 10%/năm là có lợi cho bị đơn nên bản án sơ thẩm chấp nhận là phù hợp. Do đó kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm áp dụng sai về điều luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm về điều luật áp dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH X thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Nguyên đơn không kháng cáo, bị đơn chỉ kháng một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu tính lãi. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần nội dung có kháng cáo của bản án sơ thẩm.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Xét kháng cáo bị đơn Công ty X về việc không đồng ý tính lãi đối với số tiền phải thanh toán cho Công ty T1:

[3.1] Đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày: Công ty T1 yêu cầu tính lãi với số tiền còn nợ là 259.200.000 đồng từ ngày ký kết hợp đồng đến ngày xét xử là không phù hợp. Việc ký kết thực hiện hợp đồng giữa Công ty T1 với Công ty X không giao kết tính lãi chậm thực hiện hợp đồng. Hơn nữa, hai bên xác nhận nợ ngày 03/11/2023, nếu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thì chỉ tính từ ngày 03/11/2023 đến ngày xét xử. Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi từ ngày Công ty X ký hợp đồng với Công ty T1 xuất hoá đơn lần cuối cùng nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của Công ty X.

[3.2] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Theo Hợp đồng đại lý bán lẻ xăng dầu số 107/HĐMBXD-MJC ngày 17/01/2023, Phụ lục Hợp đồng đại lý bán lẻ xăng dầu số 2004/PLHDDMBXD-MJC ngày 01/4/2023 thì thời hạn thanh toán hai bên thỏa thuận là “không quá 20 ngày kể từ ngày nhận hàng”.

[3.3] Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận*

khác hoặc pháp luật có quy định khác”, theo đó, quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán là chế tài luật định không bắt buộc các bên phải thỏa thuận trong hợp đồng, do đó, khi bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì nguyên đơn có quyền yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm trả là phù hợp.

[3.4] Theo các phiếu xuất kho ngày 26/4/2023, ngày 03/5/2023 và ngày 06/5/2023 về việc giao nhận hàng hóa giữa các bên thể hiện Công ty T1 đã giao đúng hàng hóa (Xăng Ron 95-III; Dầu Do 0.05S), chất lượng và số lượng cho Công ty X. Căn cứ theo các hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng giữa Công ty T1 và Công ty X (được cơ quan thuế phê duyệt), cụ thể hóa đơn giá trị gia tăng ngày 26/4/2023 số tiền là 117.580.000 đồng (tính đến ngày 16/5/2023 Công ty X đã thanh toán được số tiền là 88.530.000 đồng còn lại số tiền là 28.950.000 đồng), hóa đơn giá trị gia tăng ngày 03/5/2023 số tiền là 112.140.000 đồng và hóa đơn giá trị gia tăng ngày 06/5/2023 số tiền là 118.110.000 đồng. Đã quá thời hạn thanh toán mà hai bên thỏa thuận tại mục [3.2] nêu trên nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán đủ tiền cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền 28.950.000 đồng từ ngày 26/5/2023, số tiền 112.140.000 đồng từ ngày 23/5/2023 và số tiền là 118.110.000 từ ngày 26/5/2023 là phù hợp.

[3.5] Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại nêu trên thì lãi suất chậm trả được tính theo mức lãi suất nợ quá hạn. Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập được mức lãi suất trung bình quá hạn trên thị trường của 03 ngân hàng tại thời điểm thanh toán năm 2024 bao gồm: Ngân hàng N (A) lãi suất cho vay 10,5%/năm; Ngân hàng TMCP C (V) lãi suất cho vay 9,5%/năm và Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 (V1) lãi suất cho 10%/năm. Như vậy lãi suất trung bình của 03 Ngân hàng là $(10,5\% + 9,5\% + 10\%) : 3 \times 150\% = 15\%/năm : 12 tháng = 1,25\%/ tháng$. Do đó, nguyên đơn chỉ yêu cầu thanh toán lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm là có lợi cho bị đơn nên cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp, mặc dù, theo bảng tính lãi trong phần nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm chỉ áp dụng mức lãi suất 10%/năm nhưng cấp sơ thẩm lại ghi nhận là 1,25%/ tháng là chưa chính xác, tuy nhiên, do số tiền lãi Tòa án cấp sơ thẩm đã tính đúng theo mức lãi suất 10%/năm nên nhận thấy không cần phải sửa án đối với nội dung này.

[4] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn Công ty X có nghĩa vụ thanh toán cho số tiền 259.200.000 đồng và lãi suất do vi phạm hợp đồng mua bán xăng dầu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng các quy định tại Điều 317, 318, 322 Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án là không đúng, nhận thấy, cần sửa bản án sơ thẩm đối với phần áp dụng pháp luật cho phù hợp với nội dung tranh chấp của vụ án,

[5] Từ những phân tích trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty X, sửa một phần bản án sơ thẩm về điều luật áp dụng.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được nhận nên bị đơn Công ty X phải chịu án phí phúc thẩm

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH X.

Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2024/KDTM-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 74, 184, 228, 266, 269, 273, 280, 429 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 4, 24, 50, 56, 306 Luật Thương mại; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của: Công ty Cổ phần T1 (MJC) đối với Công ty TNHH X về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc Công ty TNHH X phải trả cho Công ty Cổ phần T1 (MJC) số tiền gốc và lãi tổng cộng là 284.084.252 đồng Trong đó tiền gốc là 259.200.000 đồng; tiền lãi là 24.884.252 đồng.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH X phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 14.204.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần T1 (MJC) số tiền tạm ứng án phí là 6.888.000 đồng theo biên lai thu số 0003109 ngày 22/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

3. Về án phí phúc thẩm: Buộc Công ty TNHH X phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0003231 ngày 21/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Bị đơn Công ty TNHH X đã nộp đủ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Thành phố HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Thúy